Bảng dữ liệu sản phẩm

# 1124Series — 1-1/2" LOẠI CÀNG KIỂU DF

NBR Bánh xe (Phay đen) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh xe 125 × 40mm

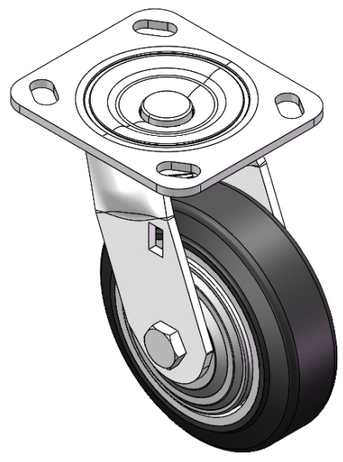
EAN

YJ-11240500042083

Bánh xe xoay, đế bánh xe được tán đinh và dập lỗ lắp chữ D.
Hoàn thiện mạ kẽm, đế bánh xe (4.5T) với cơ cấu lắp đặt.
Lõi gang, mặt lốp cao su đàn hồi chất lượng cao.
Vòng bi bánh xe màu đen phay—vòng bi chính xác.

Bề mặt bánh xe: cao su đàn hồi chất lượng cao
Lõi bánh xe: lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

## Quy cách chi tiết sản phẩm

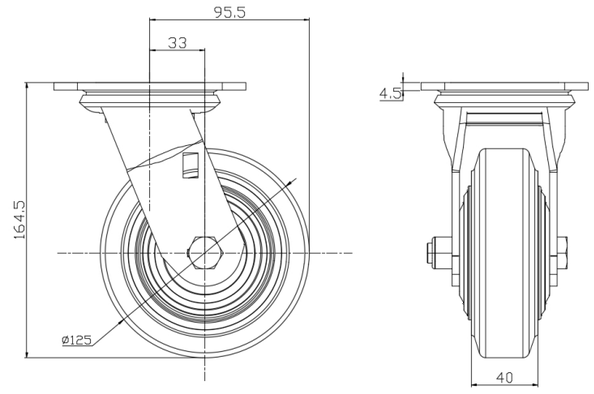
◉ đơn vị mét ○ đế quốc

| | |
|---|---|
| Đường kính bánh xe | 125mm |
| Chiều rộng bánh xe | 40mm |
| vòng bi bánh xe | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp | 115 x 100mm |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền | 85 x 70mm |
| Khoảng cách các lỗ lắp | 20 x 11mm |
| Độ lệch tâm | 33mm |
| Sự can thiệp quay | 191mm |
| Tổng chiều cao | 164.5mm |
| Bán kính xoay | 95.5mm |
| Độ cứng | 85±5° Shore A |
| Tải trọng (động) | 200kgs |
| Tải trọng (tĩnh) | 300kgs |
| Nhiệt độ | -20°C to +80°C |
| Càng bánh xe | Xoay |
| Thép không gỉ | N/A |
| Dẫn điện | N/A |
| Chống tĩnh điện | N/A |
| Trọng lượng bánh xe đẩy | 2.69kgs |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | ISO22883 |

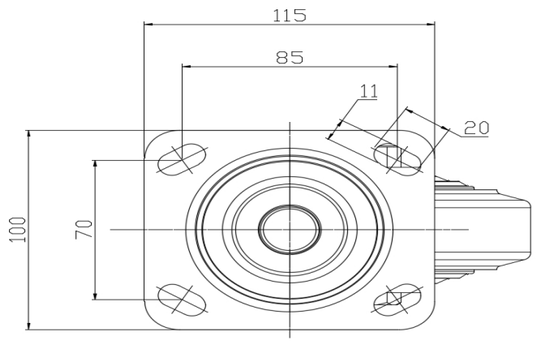
## Tổng quan ưu điểm

| | |
|---|---|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ○ ○ |
| Chế độ im lặng | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn | ● ● ● ● ○ |

## Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy




## Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp




* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

© Bản quyền thuộc về 2025 DershengInternational www.dersheng.com